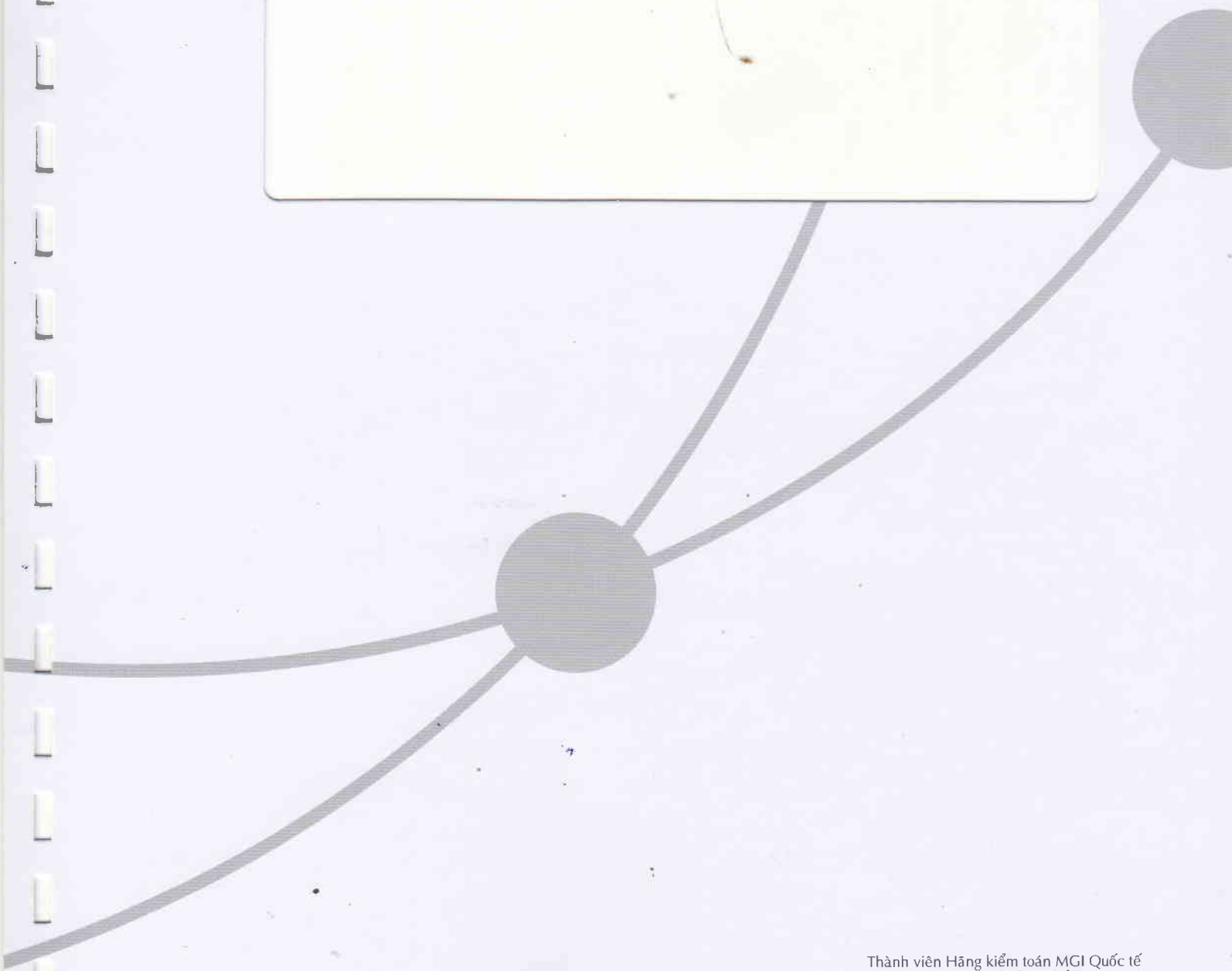




Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

1. M. S.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	09-36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn An Ngọc	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Quân	Thành viên
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn An Quân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Huyền Thanh	Trưởng ban
Ông Trần Đức Mưu	Thành viên
Bà Mai Thị Hương Lan	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2020

11/2020
KHI
TH



Số: 612 /BCKT/TC/NV8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Lưu Quốc Thái

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0155-2018-126-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.763.393.851	214.764.489.228
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.009.242.618	29.609.620.203
1. Tiền	111		4.009.242.618	29.609.620.203
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	9.120.000.000	11.384.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.120.000.000	11.384.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.917.229.544	74.838.994.722
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	48.293.801.976	52.743.882.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.796.396.568	20.243.472.478
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.827.031.000	1.851.639.921
IV. Hàng tồn kho	140	10	79.874.492.735	86.185.962.904
1. Hàng tồn kho	141		79.874.492.735	86.185.962.904
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.842.428.954	12.745.911.399
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	311.914.184	277.090.036
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.993.620.219	11.628.098.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.536.894.551	840.722.551
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		244.231.159.186	255.740.497.391
II. Tài sản cố định	220		59.494.832.614	60.374.446.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	59.494.832.614	60.374.446.398
- Nguyên giá	222		83.372.382.654	80.963.382.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.877.550.040)	(20.588.936.256)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	77.480.237.377	88.074.065.477
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77.480.237.377	88.074.065.477
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	107.000.000.000	107.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		98.000.000.000	98.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.000.000.000	9.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		256.089.195	291.985.516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	256.089.195	291.985.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		409.994.553.037	470.504.986.619

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		202.565.539.552	270.748.377.631
I. Nợ ngắn hạn	310		158.191.363.876	204.333.781.955
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	46.449.721.129	67.256.300.996
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36.616.033.650	71.570.763.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	160.997.766	164.040.221
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		230.245.561	67.152.994
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	74.734.365.770	65.275.524.544
II. Nợ dài hạn	330		44.374.175.676	66.414.595.676
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	31.714.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	44.374.175.676	34.700.595.676
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		207.429.013.485	199.756.608.988
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	207.429.013.485	199.756.608.988
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.197.880.000	187.197.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.197.880.000	187.197.880.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.000.000	9.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.222.133.485	12.549.728.988
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.549.728.988	5.379.114.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.672.404.497	7.170.614.590
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		409.994.553.037	470.504.986.619

Trần Thị Nga

Trần Thị Nga



Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	135.843.238.753	105.684.179.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		135.843.238.753	105.684.179.745
4. Giá vốn hàng bán	11	19	121.388.378.334	101.359.745.431
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.454.860.419	4.324.434.314
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	377.862.888	734.703
7. Chi phí tài chính	22	21	4.852.962.887	1.395.711.208
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.816.723.887	1.395.711.208
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.067.429.515	1.388.422.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.912.330.905	1.541.035.798
11. Thu nhập khác	31		290.396	1.630.612
12. Chi phí khác	32		105.906.927	222.183.690
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(105.616.531)	(220.553.078)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.806.714.374	1.320.482.720
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	134.309.877	122.399.325
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.672.404.497	1.198.083.395

Thy

Thy



Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.806.714.374	1.320.482.720
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.288.613.784	2.168.770.957
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(377.862.888)	(734.703)
- Chi phí lãi vay	06		4.816.723.887	1.395.711.208
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.534.189.157	4.884.230.182
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.860.071.771	(17.366.790.275)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.311.470.169	(9.864.735.914)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(85.021.519.182)	8.807.174.965
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.072.173	(43.145.334)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.816.723.887)	(1.395.711.208)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(164.050.000)	(582.084.578)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.295.489.799)	(15.561.062.162)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		8.184.828.100	(17.338.337.882)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		377.862.888	734.703
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.562.690.988	(17.337.603.179)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		48.218.439.654	53.087.634.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.086.018.428)	(19.799.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.132.421.226	33.287.864.335
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(25.600.377.585)	389.198.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.609.620.203	3.944.894.930
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	4.009.242.618	4.334.093.924

guyc

guyc



Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (tên viết tắt THANGLONG DECO., JSC) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Ngọc Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2000. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103037857 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 05 năm 2009. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500383583 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 187.197.880.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 187.197.880.000 đồng; tương đương 18.719.788 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Công ty kinh doanh các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp và sản xuất công nghiệp nhẹ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan (Chi tiết: trồng cây, chăm sóc và duy trì Công viên và vườn cho: Nhà riêng và công cộng, Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ,...), Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang,...), cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng), tòa nhà công nghiệp và thương mại; Trồng cây xanh cho: các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn mặt trước, vườn trong nhà), sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf), nước theo luồng và nước tĩnh (bồn, vùng nước đối lưu, ao, bể bơi, mương, sông, suối, hệ thống cây xanh trên vùng nước thải), trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ trang trí mang tính chất giải trí tự nhiên;
- Kinh doanh lữ hành;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Hoạt động chính của Công ty (tiếp theo):

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Công trình điện, công trình bưu chính viễn thông, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Bán lẻ hoa và cây cảnh;
- Mua bán đồ thanh lý;
- Mua bán điện nông thôn;
- Dịch vụ bốc, dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Dịch vụ trang trí nội, ngoại thất;
- Nhập khẩu gỗ, chế biến nông sản, lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Mua bán xăng dầu và bếp ga;
- Khai thác, mua bán đá, cát, sỏi;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ phá, dỡ công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Xây dựng, tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Miền Trung	Quảng Bình	Sản xuất ván ép

Thông tin về các công ty con, Công ty liên kết của công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 06.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN.TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08	năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.203.406.444	1.290.904.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.805.836.174	28.318.715.931
	<u>4.009.242.618</u>	<u>29.609.620.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư ngắn hạn	9.120.000.000	9.120.000.000	11.384.000.000	11.384.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	9.120.000.000	9.120.000.000	11.384.000.000	11.384.000.000
	9.120.000.000	9.120.000.000	11.384.000.000	11.384.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	98.000.000.000	-	98.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	69.000.000.000	-	69.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	29.000.000.000	-	29.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	107.000.000.000	-	107.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Hà Nội	98,57%	98,57%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván bóc
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Hà Nội	90,63%	90,63%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván bóc

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Hà Nội	45,00%	45,00%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván bóc

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 28.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất ván ép Thăng Long	1.146.223.700	961.400.000
Công ty TNHH TL Trung Việt	4.936.926.840	3.727.061.630
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	3.693.434.385	2.108.179.201
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Miền Bắc	5.085.433.977	5.085.433.977
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Gỗ Hà Nội	5.057.976.000	5.057.976.000
Công ty TNHH Tiến Toàn Việt Nam	6.040.014.000	6.735.190.000
Công ty TNHH Thuận Hà	4.998.200.000	8.769.200.000
Các khoản phải thu khác	17.335.593.074	20.299.441.515
	48.293.801.976	52.743.882.323
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)</i>	1.622.600.280	1.363.225.000

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Vận tải và Thương mại Công Huy	4.777.648.091	-	5.240.241.301	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	1.941.049.500	-	3.930.667.500	-
Trả trước khác	6.077.698.977	-	11.072.563.677	-
	12.796.396.568	-	20.243.472.478	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về BHXH	-	-	24.608.921	-
Ký cược, ký quỹ	1.827.031.000	-	1.827.031.000	-
	1.827.031.000	-	1.851.639.921	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.563.394.652	-	16.808.128.276	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.959.322.188	-	36.115.946.471	-
Thành phẩm	10.475.185.805	-	10.533.121.007	-
Hàng hoá	37.876.590.090	-	22.728.767.150	-
	79.874.492.735	-	86.185.962.904	-

11 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	77.480.237.377	88.074.065.477
Dự án nhà máy sản xuất ván ép tại Quảng Bình	77.480.237.377	88.074.065.477
	77.480.237.377	88.074.065.477

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2020	26.389.181.286	49.123.970.351	5.450.231.017	-	-	-	-	-	-	-	80.963.382.654
Mua sắm	2.318.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.318.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	91.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	91.000.000
Tại ngày 30/06/2020	28.798.181.286	49.123.970.351	5.450.231.017								83.372.382.654
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2020	5.805.042.213	11.343.621.163	3.440.272.880	-	-	-	-	-	-	-	20.588.936.256
Trích khấu hao	667.419.602	2.333.490.822	287.703.360	-	-	-	-	-	-	-	3.288.613.784
Tại ngày 30/06/2020	6.472.461.815	13.677.111.985	3.727.976.240								23.877.550.040
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2020	20.584.139.073	37.780.349.188	2.009.958.137	-	-	-	-	-	-	-	60.374.446.398
Tại ngày 30/06/2020	22.325.719.471	35.446.858.366	1.722.254.777								59.494.832.614

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	43.697.984	106.272.757
Công cụ dụng cụ xuất dùng	225.772.467	102.837.001
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.443.733	67.980.278
	311.914.184	277.090.036
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	256.089.195	291.985.516
	256.089.195	291.985.516

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu VietWood	2.744.836.352	2.744.836.352	7.901.447.351	7.901.447.351
Công ty TNHH Thương mại và XNK TL Trung Việt	1.749.550.000	1.749.550.000	12.231.750.000	12.231.750.000
Công ty TNHH Thuận Hà	5.879.405.995	5.879.405.995	5.065.019.981	5.065.019.981
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khải Hưng	6.853.902.278	6.853.902.278	4.632.562.000	4.632.562.000
Công ty CP Bê tông Cường Thịnh	3.274.932.435	3.274.932.435	2.681.742.135	2.681.742.135
Công ty TNHH TM An Phát Việt Nam	331.199.983	331.199.983	7.963.549.983	7.963.549.983
Phải trả khác	25.615.894.086	25.615.894.086	26.780.229.546	26.780.229.546
	46.449.721.129	46.449.721.129	67.256.300.996	67.256.300.996

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	839.722.551	-	(693.425.626)	2.746.374	1.535.894.551	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	164.040.221	134.309.877	164.050.000	-	134.300.098
Các loại thuế khác	1.000.000	-	3.000.000	3.000.000	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	26.697.668	-	-	26.697.668
	840.722.551	164.040.221	(529.418.081)	169.796.374	1.536.894.551	160.997.766

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>	60.838.755.220	60.838.755.220	32.718.439.654	27.922.613.428	65.634.581.446	65.634.581.446
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Đan Phượng Tây Đô	9.940.000.000	9.940.000.000	9.740.000.000	9.680.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	50.898.755.220	50.898.755.220	22.978.439.654	18.242.613.428	55.634.581.446	55.634.581.446
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	4.436.769.324	4.436.769.324	5.826.420.000	1.163.405.000	9.099.784.324	9.099.784.324
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.436.769.324	4.436.769.324	5.826.420.000	1.163.405.000	9.099.784.324	9.099.784.324
	65.275.524.544	65.275.524.544	38.544.859.654	29.086.018.428	74.734.365.770	74.734.365.770
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân Đội	29.137.365.000	29.137.365.000	10.000.000.000	1.163.405.000	37.973.960.000	37.973.960.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay cá nhân	-	-	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000
	39.137.365.000	39.137.365.000	15.500.000.000	1.163.405.000	53.473.960.000	53.473.960.000
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	4.436.769.324	4.436.769.324			9.099.784.324	9.099.784.324
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	34.700.595.676	34.700.595.676			44.374.175.676	44.374.175.676
c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan						
	Mối quan hệ		30/06/2020		01/01/2020	
			Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
			VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư XD và Chế biến Lâm sản Thăng Long		Công ty con	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
			10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2019	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng NN & PT Nông Nghiệp					10.000.000.000	10.000.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 2211-LAV-202000472 ngày 05/05/2020	10.000.000.000	Thi công xây dựng công trình và sản xuất các loại ván ép công nghiệp	12 tháng.	9%/năm	10.000.000.000	10.000.000.000	- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 2118/2012/HĐTC ngày 03/10/2012 kèm văn bản sửa đổi; - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2018 ngày 02/01/2018.
2	Ngân hàng TMCP Quân đội					55.634.581.446	55.634.581.446	
	Hợp đồng tín dụng số 45344.19.830.2711868.TD ngày 25/10/2019	90.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp, kinh doanh ván gỗ ép, gỗ coppha.	6 - 8 tháng.	Theo từng giấy nhận nợ.	55.634.581.446	55.634.581.446	Sản lượng dở dang và Quyền đòi nợ của Khách hàng hình thành từng kỳ.
	Tổng cộng vay ngắn hạn					65.634.581.446	65.634.581.446	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

ST T	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2019	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
II	Vay dài hạn							
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Hợp đồng cho vay số 33504.18.830.2711868.ID ngày 20/09/2018; - Hợp đồng cho vay số 33488.18.830.2711868.ID ngày 20/09/2018; - VB sửa đổi/bổ sung hợp đồng cho vay số 33504.18.830.2711868.ID.PL ngày 13/02/2020.	45.000.000.000	Tài trợ chi phí nhập, lắp đặt máy móc thiết bị để thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy ván ép công nghiệp tại KCN Bắc Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình.	96 tháng	Theo từng giấy nhận nợ.	37.973.960.000	9.099.784.324	Nhà xưởng và máy móc thiết bị hình thành từ phương án MB tài trợ.
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long Hợp đồng tín dụng số 08/2018/HHTD/ĐTTL-CBLS ngày 01/07/2018. Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2019/PLHHTD ngày 01 tháng 01 năm 2019.	16.000.000.000	Thực vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	18 tháng.	0,5%/tháng	10.000.000.000	-	Vay tín chấp.
3	Vay cá nhân Hợp đồng vay cá nhân từng lần vay	5.500.000.000	Thực vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	24 tháng.	0%/tháng.	5.500.000.000	-	Vay tín chấp.
	Tổng cộng vay dài hạn					53.473.960.000	9.099.784.324	
	Tổng cộng vay					119.108.541.446	74.734.365.770	

Đơn vị tính: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019				
Tại ngày 01/01/2019	187.197.880.000	9.000.000	5.379.114.398	192.585.994.398
Lãi trong kỳ trước	-	-	1.198.083.395	1.198.083.395
Phân phối lợi nhuận	-	408.370.216	(1.225.110.648)	(816.740.432)
Tại ngày 30/06/2019	187.197.880.000	417.370.216	5.352.087.145	192.967.337.361
Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020				
Tại ngày 01/01/2020	187.197.880.000	9.000.000	12.549.728.988	199.756.608.988
Lãi trong năm nay	-	-	7.672.404.497	7.672.404.497
Tại ngày 30/06/2020	187.197.880.000	9.000.000	20.222.133.485	207.429.013.485

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Ông Nguyễn An Ngọc	21,25%	39.782.500.000	21,25%	39.782.500.000
Ông Nguyễn An Quân	7,90%	14.790.000.000	7,90%	14.790.000.000
Các cổ đông khác	70,85%	132.625.380.000	70,84%	132.625.380.000
	100%	187.197.880.000	100%	187.197.880.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	187.197.880.000	187.197.880.000
- Vốn góp đầu kỳ	187.197.880.000	187.197.880.000
- Vốn góp cuối kỳ	187.197.880.000	187.197.880.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.719.788	18.719.788
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.719.788	18.719.788
- Cổ phiếu phổ thông	18.719.788	18.719.788
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.719.788	18.719.788
- Cổ phiếu phổ thông	18.719.788	18.719.788
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	49.426.467.661	26.978.040.300
Doanh thu bán hàng hóa	32.260.367.945	67.206.115.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ	418.307.692	429.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	53.738.095.455	11.071.024.060
	135.843.238.753	105.684.179.745
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)</i>	2.548.954.800	8.509.050.000

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	39.095.671.020	25.978.599.164
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.038.150.515	64.864.578.849
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	408.492.671	420.040.740
Giá vốn hợp đồng xây dựng	49.846.064.128	10.096.526.678
	121.388.378.334	101.359.745.431

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	377.862.888	734.703
	377.862.888	734.703

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.816.723.887	1.395.711.208
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	36.239.000	-
	4.852.962.887	1.395.711.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	117.323.476	91.761.881
Chi phí nhân công	812.995.850	556.675.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	336.010.441	316.806.862
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.940.942	229.262.529
Chi phí khác bằng tiền	341.158.806	189.915.739
	2.067.429.515	1.388.422.011

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.806.714.374	1.320.482.720
Các khoản điều chỉnh tăng	104.317.593	222.183.690
- Chi phí không hợp lệ	104.317.593	222.183.690
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	671.549.387	611.996.626
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	134.309.877	122.399.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	164.040.221	537.346.295
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(164.050.000)	(582.084.578)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	134.300.098	77.661.042

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.098.551.341	30.031.209.416
Chi phí nhân công	11.802.897.185	5.057.821.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.288.613.784	2.168.770.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.940.942	788.504.238
Chi phí khác bằng tiền	2.332.709.624	388.618.615
	84.978.712.875	38.434.924.724

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.009.242.618	-	29.609.620.203	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.120.832.976	-	54.595.522.244	-
Đầu tư ngắn hạn	9.120.000.000	-	11.384.000.000	-
	63.250.075.594	-	95.589.142.447	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	119.108.541.446	99.976.120.220
Phải trả người bán, phải trả khác	46.679.966.690	99.037.453.990
	165.788.508.136	199.013.574.210

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.009.242.618	-	-	4.009.242.618
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.120.832.976	-	-	50.120.832.976
Đầu tư ngắn hạn	9.120.000.000	-	-	9.120.000.000
	63.250.075.594	-	-	63.250.075.594
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.609.620.203	-	-	29.609.620.203
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.595.522.244	-	-	54.595.522.244
Đầu tư ngắn hạn	11.384.000.000	-	-	11.384.000.000
	95.589.142.447	-	-	95.589.142.447

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	81.461.001.446	28.805.680.000	8.841.860.000	119.108.541.446
Phải trả người bán, phải trả khác	46.679.966.690	-	-	46.679.966.690
	<u>128.140.968.136</u>	<u>28.805.680.000</u>	<u>8.841.860.000</u>	<u>165.788.508.136</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	75.275.524.544	17.747.077.296	6.953.518.380	99.976.120.220
Phải trả người bán, phải trả khác	99.037.453.990	-	-	99.037.453.990
	<u>174.312.978.534</u>	<u>17.747.077.296</u>	<u>6.953.518.380</u>	<u>199.013.574.210</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

20/7/2020 11:11 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động thương mại	Hoạt động sản xuất	Hoạt động xây lắp	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.260.367.945	49.426.467.661	53.738.095.455	418.307.692	135.843.238.753	135.843.238.753
Chi phí bộ phận trực tiếp	32.038.150.515	39.095.671.020	49.846.064.128	408.492.671	121.388.378.334	121.388.378.334
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	222.217.430	10.330.796.641	3.892.031.327	9.815.021	14.454.860.419	14.454.860.419
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2.318.000.000	91.000.000	-	2.409.000.000	2.409.000.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	37.876.590.090	22.038.580.457	19.959.322.188	-	79.874.492.735	79.874.492.735
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	327.711.060.302	327.711.060.302
Tổng tài sản	37.876.590.090	24.356.580.457	20.050.322.188	-	409.994.553.037	409.994.553.037
Nợ phải trả bộ phận	-	25.500.000.000	93.608.541.446	-	119.108.541.446	119.108.541.446
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	83.456.998.106	83.456.998.106
Tổng nợ phải trả	-	25.500.000.000	93.608.541.446	-	202.565.539.552	202.565.539.552

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 16.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Công ty con	1.302.567.000	2.027.600.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Công ty con	682.252.800	5.350.000.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	564.135.000	1.131.450.000
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Công ty con	13.553.450.000	28.354.500.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Công ty con	70.000.000	32.362.000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ:			
	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Công ty con	1.146.223.700	961.400.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Công ty con	154.003.080	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	322.373.500	401.825.000
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Công ty con	1.941.049.500	3.930.667.500
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	1.247.212.748	1.324.212.748
Phải trả người bán			
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Công ty con	408.145.000	164.300.000
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Công ty con	154.003.080	216.475.000
Phải trả khác			
CN Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Công ty con	-	29.000.000.000
Vay			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	267.250.000	101.760.000
<i>Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc</i>	<i>67.500.000</i>	<i>97.560.000</i>

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019. Các báo cáo trên đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2020

